Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ
Số chuyên đề: SDMD 2024
ISSN 1859-2333 | e-ISSN 2815-5599

DOI:10.22144/ctujos.2024.456

PHÂN TÍCH VAI TRÒ CỦA GIỚI TRONG QUẢN LÝ RUỒI ĐỤC TRÁI TRÊN CÂY XOÀI KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Nguyễn Ánh Minh[1*], Trịnh Thị Xuân[2], Nguyễn Hải Minh[3], Lê Hoàng Kiệt[3], Lư Phạm Thiện Duy[1] và Nguyễn Thanh Bình[3]

[1]Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ
[2]Trường Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ
[3]Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long, Trường Đại học Cần Thơ
**Tác giả liên hệ (Corresponding author): naminh@ctu.edu.vn*

Thông tin chung (Article Information)

Nhận bài (Received): 08/05/2024
Sửa bài (Revised): 10/06/2024
Duyệt đăng (Accepted): 21/08/2024

Title: *Analysis of Gender roles in managing fruit flies on Mango trees in the Mekong Delta*

Author(s): *Nguyen Anh Minh[1*], Trinh Thi Xuan[2], Nguyen Hai Minh[3], Le Hoang Kiet[3], Lu Pham Thien Duy[1] and Nguyen Thanh Binh[3]*

Affiliation(s): *[1]School of Social Sciences and Humanities, Can Tho University; [2]College of Agriculture, Can Tho University; [3]Mekong Delta Development Research Institute, Can Tho University*

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thiết kế nhằm khám phá sự khác biệt về vai trò giới trong quản lý ruồi đục trái ở đồng bằng sông Cửu Long. Nghiên cứu sử dụng phương pháp PRA, trong đó lựa chọn công cụ thảo luận nhóm (FGD) và phỏng vấn người có am hiểu (KIP) để thu thập số liệu tại Đồng Tháp và Trà Vinh. Sau đó, tiến hành mã hóa và xử lý theo các cụm chủ đề có liên quan. Kết quả cho thấy nam giới chiếm ưu thế trong các công việc đòi hỏi kỹ thuật cao như sử dụng thuốc trừ sâu, trong khi phụ nữ sẽ đảm nhận các công việc ít kỹ thuật hơn. Đồng thời, phụ nữ trong khu vực nghiên cứu gặp nhiều hạn chế trong việc tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực bao gồm khả năng tiếp cận với đào tạo và tài chính. Sự phân chia này tồn tại do những khuôn mẫu giới được áp đặt cho phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ Khmer. Vì thế, rất cần có các chính sách được thực thi nhằm trao quyền cho phụ nữ, giúp họ nâng cao vị thế trong canh tác cũng như quản lý ruồi đục trái trên cây xoài tại đồng bằng sông Cửu Long.

Từ khoá: *Giới, xoài, quản lý ruồi đục trái, vùng Đồng bằng sông Cửu Long*

ABSTRACT

The study was designed to explore gender differences in the management of fruit flies in the Mekong Delta (MD). The Participatory Rural Appraisal (PRA) method was employed, selecting focus group discussions (FGD) and key informant interviews (KIP) to collect data in Dong Thap and Tra Vinh provinces. The data were then coded and processed according to relevant thematic clusters. The results indicate that men dominate in high-technical tasks such as the use of pesticides, while women are relegated to less technical tasks. Additionally, women in the study area face significant barriers to accessing and controlling resources, including training and financial opportunities. This division is due to gender stereotypes imposed on women, particularly Khmer women. Therefore, it is essential to implement policies that empower women and enhance their status in both cultivation and the management of fruit flies on mango trees in the MD.

Keywords*: Gender, mango, managing fruit fly, the Mekong Delta*

1. GIỚI THIỆU

Nghề làm vườn mang lại nhiều lợi ích cho người nông dân, nhất là trong việc đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tạo việc làm và tạo cơ hội cho ngành chế biến nông sản (đặc biệt cho phụ nữ), đồng thời giúp đa dạng hóa thu nhập và do đó được coi là chiến lược phát triển kinh tế lớn cho nhiều quốc gia (Delgado & Siamwalla, 1997; Weinberger & Lumpkin, 2007; World Bank, 2008). Trong số đó, xoài là một loại trái cây nhiệt đới quan trọng do có giá trị cao về mặt kinh tế và dinh dưỡng được nhiều nước Châu Á ưa chuộng (Kostermans & Bompard, 1993; Vayssieres et al., 2009). Tại Việt Nam, cây xoài được trồng nhiều nơi trên cả nước, nhưng tập trung nhiều nhất ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) với diện tích khoảng 41.800 ha, chiếm 48% diện tích xoài cả nước và 65,1% diện tích trồng xoài của khu vực phía Nam (Hau et al., 2015). Hiện nay, các giống xoài được trồng phổ biến như xoài Cát Chu, xoài Cát Hòa Lộc, xoài Đài Loan và một số giống xoài địa phương và nhập nội khác (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2021).

Tuy nhiên, ngành sản xuất nông nghiệp nói chung và trồng xoài nói riêng tại Việt Nam đang phải đối mặt với các thách thức từ nhiều loài sâu bệnh và dịch hại. Thiệt hại do những loài sâu bệnh gây ra có thể làm tổn thất từ 20-25% hay thậm chí là 50% sản lượng (Lam, 2009). Trong đó, ruồi đục trái được xem là dịch hại quan trọng gây ảnh hưởng rất lớn đến thu nhập và cũng là nguyên nhân cản trở khả năng tiếp cận thị trường quốc tế của cây xoài. Hiện nay, đã có rất nhiều các nghiên cứu khác nhau liên quan đến quản lý ruồi đục trái trên cây ăn quả nói chung và cây xoài nói riêng. Nghiên cứu được thực hiện bởi Kibira et al. (2015) ở Kenya nhận thấy rằng chi phí sử dụng thuốc trừ sâu giảm khoảng 46% sau khi áp dụng tốt các biện pháp quản lý và lượng xoài bị từ chối trên thị trường do ruồi đục trái giảm đi 54,5% trong khi thu nhập của trang trại tăng 22,4% (Kibira et al., 2015). Muriithi et al., (2016) cũng cho thấy rằng việc áp dụng chiến lược quản lý ruồi đục trái trong trang trại đã giúp giảm tổn thất năng suất xoài trung bình đến 19% (Muriithi et al., 2016). Nghiên cứu của Hau et al. (2015) tại Việt Nam đã cho thấy cây xoài cát Hòa Lộc không phun thuốc phòng trừ ruồi đục trái trong mùa khô tỉ lệ trái bị nhiễm ruồi có thể lên đến 80-85% (Hau et al., 2015). Đặc biệt, một nghiên cứu khác của Gichungi et al. (2021) tại Kenya đã cho thấy việc áp dụng các biện pháp mới tiên tiến trong quản lý ruồi đục tại các trang trại xoài đã khiến chỉ số ra quyết định của phụ nữ giảm đi 21,2%. Tuy nhiên, bất chấp những tác động trực tiếp của ruồi đục quả, không có nghiên cứu nào được thực hiện nhằm xác định vai trò của giới trong việc quản lý ruồi đục trái trong các trang trại xoài, nhất là tại vùng ĐBSCL.

Trong khi đó, vấn đề giới trong nông nghiệp đang được các nhà nghiên cứu và các nhà hoạch định chính sách quan tâm (Fuglie & Nin-Pratt, 2014). Sự thành công trong phát triển nông nghiệp chịu ảnh hưởng rất lớn bởi sự khác biệt về vai trò giới giữa nam và nữ (Peterman et al., 2014). Lồng ghép giới vào các dự án liên quan đến tiến bộ nông nghiệp là rất quan trọng để đạt được hiệu quả của dự án (Fort et al., 2001). Một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng nam giới có xu hướng tiếp quản khi cây trồng mang lại nhiều lợi nhuận hơn do đó làm giảm sự tham gia của phụ nữ vào việc quyết định liên quan đến cây trồng (Shiundu & Oniang'o, 2007; Njuki et al., 2011; Fischer & Qaim, 2012). Do đó, nghiên cứu "Phân tích vai trò của giới trong quản lý ruồi đục trái trên cây xoài khu vực Đồng bằng sông Cửu Long" rất cần được thực hiện nhằm đánh giá sự khác biệt về vai trò giới trong quản lý ruồi đục quả cũng như tập quán canh tác, kiến thức và ra quyết định ở ĐBSCL. Điều này góp phần quan trọng trong việc giải quyết những khoảng cách về năng lực và thúc đẩy bình đẳng giới trong hoạt động nông nghiệp.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Địa điểm nghiên cứu

Quá trình lựa chọn địa điểm và cộng đồng tham gia cho nghiên cứu được tiến hành theo một số bước:

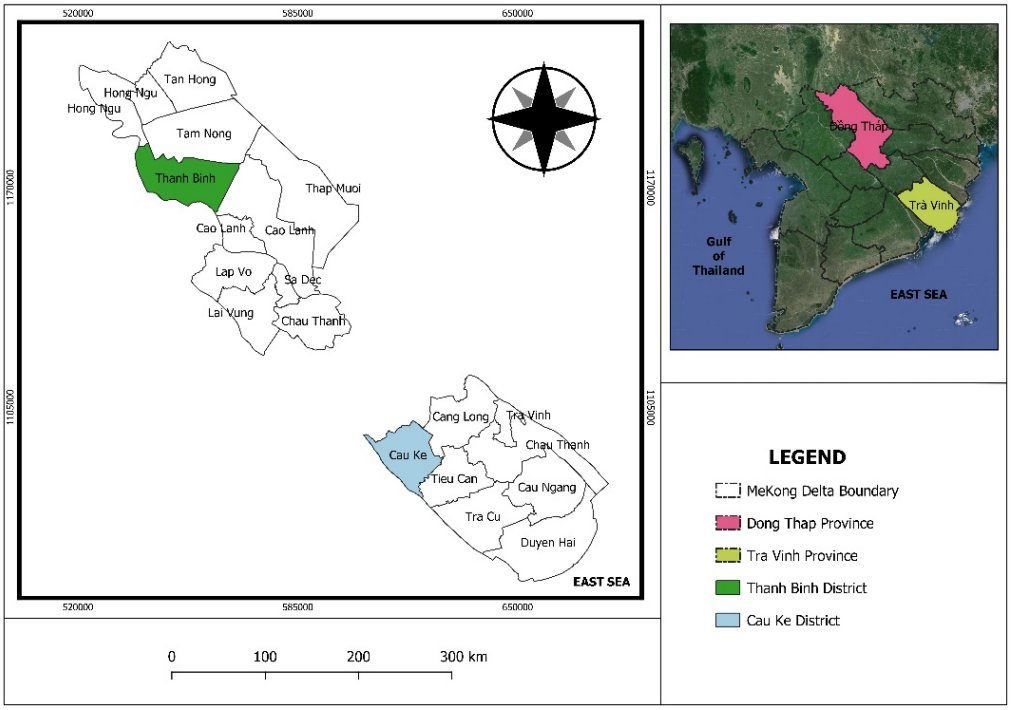
Bước 1: Nghiên cứu các tài liệu thứ cấp để xem xét các vấn đề liên quan về khu vực trồng xoài ở vùng ĐBSCL;

Bước 2: Tham khảo ý kiến của các chuyên gia nông nghiệp và kinh tế xã hội tại Trường Đại học Cần Thơ để chọn địa bàn nghiên cứu phù hợp;

Bước 3: Tiến hành lựa chọn theo những tiêu chí và gợi ý của chuyên gia, bao gồm các khu vực bị ảnh hưởng bởi ruồi trái cũng như những khu vực có tỷ lệ hộ gia đình dân tộc Khmer tham gia trồng xoài.

Dựa trên các bước và tiêu chí đưa ra, huyện Thanh Bình thuộc tỉnh Đồng Tháp và huyện Cầu Kè thuộc tỉnh Trà Vinh được chọn để tiến hành nghiên cứu với những lý do như sau. Thứ nhất, các khu vực này có diện tích trồng xoài lớn, đặc biệt là tỉnh Đồng Tháp với diện tích trồng xoài là 2364,65 ha tại Thanh Bình và 460 ha tại Cầu Kè, Trà Vinh (Niên giám thống kê tỉnh Đồng Tháp, 2021; Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh, 2021). Đồng thời, đây cũng là những khu vực đang phải gánh chịu ảnh hưởng

bởi ruồi đục trái. Thứ hai, nghiên cứu lựa chọn huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh nhằm khai thác được các vấn đề liên quan đến yếu tố người dân tộc Khmer khi tại đây, tỷ lệ người Khmer chiếm đến 32,2% dân số toàn huyện (Cổng thông tin điện tử Công an Trà Vinh, 2024). Do đó, thông tin và dữ liệu thu thập là đa dạng và bổ sung lẫn nhau, góp phần vào phân tích vai trò giới tính trong quản lý ruồi đục trái trên cây xoài ở vùng ĐBSCL.



Hình 1. Địa điểm nghiên cứu tại Đồng Tháp và Trà Vinh

2.2. Phương pháp thu thập

Về phương pháp thu thập số liệu, dữ liệu thứ cấp liên quan đến điều kiện kinh tế xã hội, môi trường và tình hình trồng xoài đã được thu thập thông qua các niêm giám thống kê năm 2021 của Trà Vinh và Đồng Tháp. Sau khi thu thập và phân tích dữ liệu thứ cấp, bước tiếp theo là thu thập dữ liệu sơ cấp trên thực địa:

Đánh giá vai trò của nam và nữ trong việc trồng xoài bằng cách sử dụng phương pháp Đánh giá Nông thôn có sự Tham gia (Participatory rural appraisal - PRA) làm tài liệu hướng dẫn. Theo đó, nghiên cứu tập trung sử dụng phương pháp phỏng vấn bán cấu trúc (SSI). Đây là hình thức phỏng vấn có hướng dẫn (được dẫn dắt qua đối thoại với người được phỏng vấn) với chỉ một vài câu hỏi được xác định trước. Đồng thời kết hợp kèm theo các kỹ thuật khác của PRA như quan sát các sự vật xung quanh cũng như hoàn cảnh sinh sống của nông dân (Cần & Vromant, 2009). Cụ thể hơn, trong đó sử dụng chủ yếu hai phương pháp: Phỏng vấn người cung cấp thông tin chủ yếu hay phỏng vấn chuyên gia (Key informant panel KIP) và Phỏng vấn nhóm (Focus Group Discussion - FGD).

Các cuộc phỏng vấn người cung cấp thông tin hay phỏng vấn chuyên gia (KIP) đã được tiến hành từ cấp tỉnh đến cấp huyện và xã liên quan đến cộng đồng. Tổng cộng 9 chuyên gia đã được phỏng vấn, bao gồm 5 chuyên gia làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp - phát triển nông thôn và 4 chuyên gia của Hội phụ nữ. Nội dung phỏng vấn liên quan đến tình hình trồng xoài tại địa phương cũng như nguyên nhân cho sự khác biệt về vai trò của nam giới và nữ giới khi quản lý ruồi đục trái trên cây xoài.

Đối với phương pháp phỏng vấn nhóm (FGD), nghiên cứu lựa chọn tổng cộng có 12 nhóm (6 người/nhóm) là những hộ trồng xoài tại địa phương và điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau, trong đó có người Khmer (đối với các cuộc phỏng vấn nhóm tại Cầu Kè, Trà Vinh). Cụ thể, có 6 nhóm nông dân tại Đồng Tháp và 6 nhóm nông dân tại Trà Vinh với các tiêu chí lựa chọn như sau:

- 1 nhóm có 6 nam giới;
- 1 nhóm có 6 nữ giới;

- 1 nhóm có ít nhất có 2 nữ giới;
- 3 nhóm có 3 nam giới và 3 nữ giới;

Số lượng thành viên nam và nữ giới sẽ có sự thay đổi tuỳ theo tình hình thực tế tại địa phương, tuy nhiên giới hạn mỗi nhóm phỏng vấn chỉ tối đa là 6 thành viên tham gia nhằm để việc thu thập thông tin được chính xác.

2.3. Phương pháp xử lý số liệu

Về phương pháp xử lý số liệu, các dữ liệu nghiên cứu sau khi được ghi chú dưới dạng văn bản sau các buổi phỏng vấn nhóm và phỏng vấn chuyên gia, tác giả tiến hành mã hóa dữ liệu theo các chủ đề và các nội dung có liên quan đến đối tượng nghiên cứu. Sau đó, được tiến hành đưa vào Excel 2019 để xem xét, sắp xếp, thống kê đối với các dữ liệu theo cả dạng định tính và định lượng, sau đó đưa vào nghiên cứu để phân tích theo khung phân tích giới Harvard.

3. CƠ SỞ LÝ LUẬN

Nghiên cứu sử dụng khung phân tích giới Harvard nhằm nghiên cứu về vai trò của nam giới và nữ giới trong quản lý ruồi đục trái trên cây xoài tại ĐBSCL. Khung Harvard giúp ghi lại những khác biệt trong việc tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực theo giới tính, chẳng hạn như đất đai, trang thiết bị vật tư nông nghiệp, chi phí cũng như giáo dục và đào tạo (USAID, 2016). Phương pháp được tiến hành dựa trên 3 công cụ:

Công cụ 1 liên quan đến danh mục hoạt động. Công cụ này giúp tác giả xác định các hoạt động sản xuất và tái sản xuất của phụ nữ và nam giới, có thể bao gồm các dữ liệu theo giới tính, độ tuổi hoặc các yếu tố khác. Bên cạnh đó, công cụ này có thể giúp ghi chép chi tiết về thời gian thực hiện hoạt động và địa điểm diễn ra các hoạt động đó (UNRWA, 2011; Uỷ ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam, 2004).

Công cụ 2 là sự tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực và lợi ích. Công cụ này có thể giúp liệt kê các nguồn lực mà phụ nữ và nam giới sử dụng để tiến hành các hoạt động của họ. Nó giúp xác định phụ nữ hay nam giới là người được tiếp cận với các nguồn lực, ai kiểm soát việc sử dụng các nguồn lực, ai trong hộ gia đình hoặc cộng đồng kiểm soát những lợi ích có được từ các nguồn lực đó (lợi ích có thể bao gồm thu nhập từ bên ngoài, sự đáp ứng các nhu cầu cơ bản, cơ hội được tập huấn - đào tạo) (UNRWA, 2011; Uỷ ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam, 2004).

Công cụ 3 nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng. Là danh mục các yếu tố tạo nên sự khác biệt giới mà hai công cụ phân tích nêu trên vừa xác định. Việc xác định những thay đổi diễn ra có thể giúp định hướng được những chuyển biến trong tương lai (Uỷ ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam, 2004; UNRWA, 2011; USAID, 2016).

Áp dụng khung phân tích Harvard cho nghiên cứu vai trò giới trong quản lý ruồi đục trái trên cây xoài ở ĐBSCL có thể giúp bài viết xác định rõ ràng được sự khác biệt về vai trò của cả nam giới và nữ giới trong các hoạt động sản xuất liên quan đến canh tác trên cây xoài, bao gồm việc đối tượng hay giới tính nào sẽ là người quản lý ruồi đục trái. Đồng thời, khung phân tích cũng giúp xác định được việc kiểm soát các nguồn lực trong sẽ thuộc về nhóm đối tượng giới tính nào cũng như nguyên nhân cho những sự khác biệt. Điều này thể hiện được vai trò của giới trong các hoạt động sản xuất và canh tác nông nghiệp nói chung và cây xoài nói riêng.

4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

4.1. Sự phân chia vai trò giới trong hoạt động canh tác xoài

Các phương pháp trồng trọt truyền thống ở Việt Nam đã cho thấy các vai trò khác nhau giữa nam và nữ trong hoạt động canh tác. Dữ liệu được thu thập từ 72 cá nhân chia thành 12 nhóm (mỗi nhóm phỏng vấn có 6 đáp viên) và thể hiện rõ nét sự khác biệt trong Bảng 1 bên dưới. Các hoạt động được khảo sát bao gồm làm cỏ, sử dụng phân bón, theo dõi và kiểm tra ruồi đục trái, sử dụng thuốc trừ sâu và thu hoạch.

Bảng 1. Sự phân chia vai trò giới trong hoạt động canh tác xoài (n = 72 hay 12 nhóm)

Hoạt động	Nam				Nữ				Cả hai	
	Số lượng	%	Thời gian (h/ngày)	Xếp hạng	Số lượng	%	Thời gian (h/ngày)	Xếp hạng	Số lượng	%
Làm cỏ	19	26,4	0,3	V	40	55,6	1,8	II	13	18,1
Sử dụng phân bón	51	70,8	3,62	II	4	5,6	1,3	III	17	23,6
Theo dõi và kiểm tra ruồi đục trái	48	66,7	3,36	III	4	5,6	1,14	IV	20	27,8
Sử dụng thuốc trừ sâu	56	77,8	3,8	I	3	4,2	1,1	V	13	18,1
Thu hoạch	24	33,3	2	IV	8	11,1	2	I	40	55,6

Bảng 1 cho thấy sự phân công lao động giữa nam giới và nữ giới trong một số hoạt động trồng xoài và quản lý ruồi đục trái tại ĐBSCL. Kết quả cho thấy, có sự phân chia lao động tương đối rõ ràng giữa hai nhóm giới tính. So với phụ nữ, vai trò của nam giới trong các hoạt động trồng xoài và quản lý ruồi đục trái được đánh giá tương đối cao. Cụ thể, nam giới có vai trò đáng kể trong việc sử dụng thuốc trừ sâu, sử dụng phân bón và theo dõi, kiểm tra ruồi đục trái trên ruộng xoài với các chỉ số đều cao khi tỷ lệ đảm nhận lần lượt là 77,8% (3,36 giờ/ngày và xếp hạng I), 70,8% (3,62 giờ/ngày và xếp hạng II) và 66,7% (3,36 giờ/ngày và xếp hạng III). Trong khi đó, tỷ lệ nữ giới đảm nhận trong các hoạt động quản lý đối với canh tác xoài chiếm một phần rất nhỏ do những quan niệm truyền thống sẽ được nghiên cứu đề cập sau khi tác giả tiến hành công cụ 3 trong khung phân tích Harvard. Phụ nữ thường được giao các công việc nhẹ nhàng và ít đòi hỏi kỹ thuật hơn như làm cỏ, với tỷ lệ tham gia lên đến 55,6% (1,8 giờ/ngày và xếp hạng II). Đối với việc thu hoạch nông sản, đây là hoạt động được cho có sự phân công cân bằng giữa hai nhóm giới tính với tỷ lệ cả hai cùng đảm nhận là 55,6% và thời gian mỗi người đảm nhận trung bình là 2 giờ/ngày. Đây được xem là một điểm sáng để từ đó thúc đẩy vai trò của người phụ nữ trong nông nghiệp. Tuy nhiên, tổng thời gian dành cho các hoạt động canh tác nông nghiệp của nam giới vẫn cao hơn nhiều so với nữ giới. Điều này cho thấy có tồn tại khoảng cách giới và sự phân chia rõ rệt về vai trò của cả hai giới nam và nữ trong quản lý ruồi đục trái trên cây xoài tại ĐBSCL nói chung.

4.2. Sự tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực

4.2.1. Sự tiếp cận đối với các lợi ích

Sự tiếp cận đối với các lợi ích giữa hai nhóm giới được nghiên cứu tập trung vào khả năng tiếp cận của họ đối với giáo dục và đào tạo. Theo dữ liệu thảo luận nhóm được trình bày trong Bảng 2, cho thấy rằng việc tham gia các khóa đào tạo/ tập huấn hoặc tiếp cận hỗ trợ từ các chuyên gia trong lĩnh vực nông nghiệp chủ yếu do nam giới đảm nhận thực hiện. Hiện nay, không có các khóa đào tạo chuyên môn cụ thể dành riêng cho việc quản lý ruồi đục trái trên cây xoài. Việc đào tạo về quản lý ruồi đục trái chủ yếu được tích hợp vào các buổi tập huấn tập trung vào việc sử dụng phân bón và kỹ thuật trồng xoài.

Bảng 2. Vai trò của giới trong tiếp cận và hỗ trợ kiến thức (n = 72 hay 12 nhóm)

	Tham dự khoá đào tạo về quản lý ruồi đục trái và các vấn đề sâu bệnh khác	Tương tác với các chuyên gia kỹ thuật nông nghiệp của Sở NN	Tương tác với các chuyên gia kỹ thuật nông nghiệp tư nhân	Tương tác với các chuyên gia kỹ thuật nông nghiệp công ty hoá chất/BVTV
Chủ yếu hoặc hoàn toàn là phụ nữ (80% hoặc nhiều hơn)	-	-	-	-
Chủ yếu hoặc hoàn toàn là nam giới (80% hoặc nhiều hơn)	100	100	100	100
Cả nam và nữ	-	-	-	-

Nam giới là người thực hiện chính đối với các hoạt động canh tác trên ruộng xoài với tỷ lệ 100% người tham gia thảo luận cho rằng nam giới tham gia trên 80% các buổi tập huấn. Tỷ lệ này cho thấy vẫn có nữ giới tham gia, tuy nhiên nam giới vẫn chiếm một phần đáng kể. Do đó, nam giới có nhiều kiến thức hơn so với nữ giới cũng như hiểu được các vấn đề mà ruộng xoài mình đang gặp phải. Cả nam giới và nữ giới từng tham gia tập huấn đều cho rằng những khóa này có mang đến những lợi ích nhất định. Nó giúp họ có thêm được kiến thức mới và có cơ hội được chia sẻ, lắng nghe kinh nghiệm từ các nông dân trồng xoài khác cũng như từ những chuyên gia có kiến thức. Những khóa tập huấn được tổ chức tại địa phương cũng là cơ hội để họ tiếp xúc với các kỹ sư và cán bộ kỹ thuật – là những người giúp họ quản lý tốt sâu bệnh nói chung và ruồi đục trái trên cây xoài nói riêng. Tuy nhiên, khi được hỏi về mong muốn của họ đối với những khóa tập huấn trong tương lai thì họ cho rằng bản thân chưa có mong muốn gì, điều này một phần do họ chưa có đủ nhận thức về tầm quan trọng của kiến thức đối với việc canh tác và quản lý sâu bệnh đối với cây xoài.

Bên cạnh đó, sự tiếp cận đối với các lợi ích còn được thể hiện thông qua việc họ tiếp cận và áp dụng các kiến thức đã được đào tạo. Nghiên cứu chia việc tiếp cận này thành 3 mức độ, bao gồm: Không thể tiếp cận, Tiếp cận nhưng chưa áp dụng, Tiếp cận và áp dụng. Bảng 3 bên dưới đề cập đến mức độ tiếp cận đối với các kiến thức về quản lý ruồi đục trái trên cây xoài.

Bảng 3. Mức độ tiếp cận giáo dục đào tạo giữa nam và nữ giới (n = 72 hay 12 nhóm)

		Mức độ tiếp cận kiến thức							
		Không thể tiếp cận		Tiếp cận nhưng chưa áp dụng		Tiếp cận và áp dụng		Tổng cộng	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Giới tính	Nam	4	40,0	22	47,8	13	81,3	39	54,2
	Nữ	6	60,0	24	52,2	3	18,7	33	45,8
	Tổng cộng	10	13,9	46	63,9	16	22,2	72	100

Trong tổng số 72 đáp viên (được phân chia vào 12 nhóm mỗi nhóm có 6 người) tham gia thảo luận nhóm, có 10 người (13,9%) cho biết rằng không thể tiếp cận đến các kiến thức về quản lý ruồi đục trái, trong khi 46 người (63,9%) cho biết rằng kiến thức có thể tiếp cận được nhưng chưa được áp dụng do một số lý do và 16 người (22,2%) cho biết họ đã tiếp cận và áp dụng các kiến thức về quản lý ruồi đục trái trên trang trại. Điều này cho thấy sự đa dạng trong mức độ tiếp cận và áp dụng kiến thức về quản lý ruồi đục trái trên cây xoài.

Cụ thể hơn, khi xem xét theo yếu tố giới tính, nghiên cứu cho thấy một sự chênh lệch nhất định giữa nam giới và nữ giới trong việc tiếp cận với các kiến thức về quản lý ruồi đục trái. Có đến 60% nữ giới (6 đáp viên) trong khi chỉ có 40% nam giới (4 đáp viên) cho biết là chưa thể tiếp cận với các kiến thức về quản lý ruồi đục trái trên cây xoài. Đối với nhóm có thể tiếp cận được với các kiến thức nhưng chưa áp dụng, có sự cân bằng tương đối giữa hai nhóm giới tính với tỷ lệ lần lượt là nam (47,8%) và nữ (52,2%). Tuy nhiên, đến nhóm tiếp cận và áp dụng được các kiến thức về quản lý ruồi đục trái, nghiên cứu nhận thấy có sự chênh lệch đáng kể với tỷ lệ nam giới chiếm đến 81,3% trong khi nữ giới chỉ có 18,7%.

Sự chênh lệch này có thể phản ánh sự mất cân đối trong việc tiếp cận với các nguồn thông tin giữa hai nhóm giới tính, nhất là trong việc truyền đạt thông tin và cung cấp hỗ trợ cho nữ giới. Điều này xuất phát do nhiều nguyên nhân khác nhau, bao gồm sự thiếu hụt về mặt tri thức, sự thiếu hiểu biết về quyền lợi của bản thân cùng các rào cản về mặt văn hóa - xã hội. Đồng thời, việc không tham gia với các khóa tập huấn, đào tạo của phụ nữ được xem là nguyên nhân cốt lõi khiến họ không thể tiếp cận với các kiến thức về quản lý ruồi đục trái trên cây xoài. Điều đó cũng nhấn mạnh sự cần thiết của việc thúc đẩy sự bình đẳng giới trong nông nghiệp và đảm bảo rằng tất cả các nông dân, bao gồm cả nam và nữ đều phải có cơ hội bình đẳng trong việc tiếp cận và áp dụng kiến thức quản lý ruồi đục trái hiệu quả để cải thiện sản xuất và sinh kế.

4.2.2. Quyền tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực

a. Quyền tiếp cận và kiểm soát đối với việc sử dụng thuốc trừ sâu

Trong quá trình phỏng vấn nhóm, nghiên cứu cũng đã đi sâu vào phân tích quyền tiếp cận và kiểm soát đối các hoạt động liên quan đến quản lý dịch bệnh, cụ thể là sử dụng thuốc trừ sâu. Kết quả thể hiện ở Bảng 4 bên dưới:

Kết quả liên quan đến vai trò giới trong việc tiếp cận và kiểm soát việc sử dụng thuốc trừ sâu cho thấy, đa phần đây là những công việc thuộc về trách nhiệm của nam giới. Ở hầu hết các khâu trong việc quản lý sâu bệnh, có thể thấy tỷ lệ nam giới thực hiện đều trên 80% (bao gồm: dành riêng cho nam giới và nam giới thực hiện nhiều hơn). Cụ thể, trong việc mua thuốc trừ sâu/hóa chất, đây được xem là công việc dành riêng cho nam giới khi nó chiếm đến 59,7% (tiếp cận) và 62,5% (kiểm soát), trong khi nữ giới chỉ là 29,2% (cả tiếp cận và kiểm soát). Với hoạt động chuẩn bị và trộn thuốc trừ sâu thì tỷ lệ này lần lượt là 65,3% đối với nam giới và 31,9% đối với nữ giới (cả tiếp cận và kiểm soát). Đồng thời, việc phun/xịt thuốc trừ sâu trên cây xoài cũng đa phần do nam giới đảm nhận chính với tỷ lệ là 63,9% đối với nam giới và 31,9% đối với nữ giới (cả tiếp cận và kiểm soát). Bên cạnh đó, tỷ lệ nam giới tiếp cận và kiểm soát đối với việc xử lý/ lưu trữ thuốc trừ sâu hoặc xử lý bao bì/chai đựng thuốc cũng cao hơn nhiều so với nữ giới (Xem số liệu tại Bảng 4). Những chai lọ đựng thuốc trừ sâu sau khi được sử dụng đa phần được đem bán lại cho nhà cung cấp được được để vào những thùng rác chuyên dụng. Tuy nhiên, theo chia sẻ, người dân chưa biết cách làm như thế nào để xử lý dụng cụ hoặc thùng chứa thuốc bảo vệ thực vật một cách hiệu quả.

Bảng 4. Quyền tiếp cận và kiểm soát của nam và nữ trong việc sử dụng thuốc trừ sâu (n = 12 nhóm)

Đơn vị: %

	Mua thuốc trừ sâu/hoá chất		Chuẩn bị và pha trộn thuốc trừ sâu		Phun/xịt thuốc trừ sâu		Xử lý/lưu trữ thuốc trừ sâu		Vứt bỏ các bình chứa thuốc trừ sâu	
	Tiếp cận	Kiểm soát	Tiếp cận	Kiểm soát	Tiếp cận	Kiểm soát	Tiếp cận	Kiểm soát	Tiếp cận	Kiểm soát
Chỉ có phụ nữ	5,6	4,2	1,4	1,4	2,8	2,8	6,9	5,6	1,4	1,4
Phụ nữ nhiều hơn	2,8	1,4	-	-	-	-	-	-	-	-
Chỉ có nam giới	59,7	62,5	65,3	65,3	63,9	63,9	59,8	61,1	65,3	65,3
Nam nhiều hơn	29,2	29,2	31,9	31,9	31,9	31,9	31,9	31,9	31,9	31,9
Cả nam và nữ	1,3	1,3	-	-	-	-	-	-	-	-
Lao động thuê (nữ)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lao động thuê (nam)	1,4	1,4	1,4	1,4	1,4	1,4	1,4	1,4	1,4	1,4

Ghi chú: Phần trăm được tính trên số lượng tổng thể là 12 nhóm

Những trường hợp nữ giới đảm nhận vẫn có nhưng chiếm tỷ lệ rất hạn chế vì nữ giới chỉ đảm nhận chính trong một số các trường hợp đặc biệt như chồng mất sớm hoặc chưa lập gia đình. Kết quả tại Bảng 5 này cũng cho thấy, có một số hộ với tỷ lệ 1,4% có thuê lao động nam bên ngoài cho các hoạt động phun xịt thuốc trừ sâu do họ lo ngại về vấn đề sức khỏe.

4.2.3. Quyền tiếp cận và kiểm soát tài chính

Kết quả phỏng vấn tại Bảng 5 cho thấy vai trò của giới trong việc tiếp cận và kiểm soát đối với các hoạt động tài chính của gia đình và canh tác nông nghiệp. Trước hết, phụ nữ có xu hướng đảm nhận và tiếp cận với các hoạt động liên quan đến quản lý tài chính. Cụ thể, có đến 88,9% nhóm thảo luận cho rằng việc tiếp cận, thực hiện quản lý tài chính được giao hoàn toàn cho phụ nữ. Mặc dù quyền thực hiện và tiếp cận thuộc về nữ giới, nhưng quyền kiểm soát lại thuộc về nam giới với tỷ lệ là 22,2% (chỉ có nam) và 26,4% (nam nhiều hơn).

Đối với hoạt động tiết kiệm tài chính thì tỷ lệ tiếp cận và thực hiện của nữ giới lần lượt là 27,8% (hoàn toàn dành cho phụ nữ) và 33,3% (phụ nữ làm nhiều hơn). Điều này thể hiện quan niệm truyền thống về "tay hòm chìa khoá" trong đó phụ nữ chịu trách nhiệm chủ yếu về việc quản lý tiền bạc trong gia đình. Bên cạnh đó, do tính cách tỉ mỉ nên phụ nữ quản lý chi tiêu tiết kiệm và cẩn thận hơn so với nam giới. Đồng thời, theo họ chia sẻ thì nếu để nam giới quản lý tài chính thì họ sẽ chi tiêu hết cho các hoạt động giao tiếp xã hội với bạn bè. Giống như việc quản lý tài chính, mặc dù phụ nữ đóng vai trò lớn trong việc tiếp cận, thực hiện việc tiết kiệm nhưng quyền kiểm soát lại thuộc về nam giới với tỷ lệ là 34,7% (chỉ có nam) và 20,8% (nam nhiều hơn). Trong một số trường hợp khác, việc thiếu vắng vai trò quản lý tài chính của người phụ nữ trong gia đình khiến nam giới phải đảm nhận vai trò này. Còn đối với việc tiếp cận vay vốn chủ yếu do nam giới tiếp cận và kiểm soát nhiều hơn do đa phần nam giới là chủ hộ.

Kết quả phỏng vấn ở Bảng 5 cũng cho thấy, cả quyền tiếp cận và kiểm soát tài chính trong các hoạt động quản lý sâu bệnh hầu hết do nam giới đảm nhận với tỷ lệ 62,5% (cả tiếp cận và kiểm soát) được giao hoàn toàn cho nam giới. Trong trường hợp nam giới gặp vấn đề về sức khoẻ thì do nữ giới đảm nhận thay vai trò. Nguyên nhân được giải thích là vì nam giới hiểu biết và nắm rõ các yếu tố kỹ thuật nhiều hơn nữ giới, đồng thời họ cũng thường xuyên canh tác trên đồng ruộng nên nắm vững được những vấn đề sâu bệnh thực tế đang xảy ra trong vườn xoài của mình. Kết quả của nghiên cứu này cũng tương đồng với một nghiên cứu khác trước đó của Tú và Trang (2013) khi chỉ ra rằng mặc dù vai trò đóng góp của người phụ nữ trong phát triển kinh tế hộ là rất quan trọng nhưng quyền kiểm soát và quyết định sử dụng tài sản hay tài chính của người phụ nữ lại bị hạn chế, đặc biệt là các trường hợp quyết định các vấn đề quan trọng liên quan đến hộ gia đình và sản xuất nông nghiệp.

Bảng 5. Quyền tiếp cận và kiểm soát tài chính của nam giới và nữ giới (n = 12 nhóm)

Đơn vị: %

	Quản lý tài chính của hộ gia đình		Tiết kiệm tiền từ các chi phí của hộ gia đình		Tiếp cận tiền vay		Quản lý tài chính cho các hoạt động nông nghiệp bao gồm quản lý sâu bệnh	
	Tiếp cận	Kiểm soát	Tiếp cận	Kiểm soát	Tiếp cận	Kiểm soát	Tiếp cận	Kiểm soát
Chỉ có phụ nữ	88,9	27,8	27,8	12,5	9,7	8,3	1,4	1,4
Phụ nữ nhiều hơn	2,8	0	33,3	9,7	1,4	1,4	8,3	5,6
Chỉ có nam	5,6	22,2	2,8	34,7	23,6	27,8	62,5	62,5
Nam nhiều hơn	1,4	26,4	11,1	20,8	18,1	19,5	11,1	13,9
Cả nam và nữ	1,4	23,6	25	22,2	25	20,8	16,7	16,7

Ghi chú: Phần trăm được tính trên số lượng tổng thể là 12 nhóm

4.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phân chia vai trò giới trong quản lý ruồi đục trái

Việc phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò giới trong quản lý ruồi đục trái trên cây xoài ở ĐBSCL dựa trên khung phân tích Harvard được tiến hành đối với 12 nhóm phỏng vấn và 9 chuyên gia. Nghiên cứu phân chia theo 3 tiêu chí gồm: kinh tế, xã hội và môi trường.

Các yếu tố kinh tế như điều kiện kinh tế gia đình và khả năng tiếp cận vốn cho thấy sự chênh lệch rõ ràng giữa nam và nữ. Nam giới, thường là trụ cột kinh tế, có quyền kiểm soát cao hơn đối với tài chính và tài sản, từ đó dễ dàng tiếp cận các nguồn lực cần thiết cho hoạt động sản xuất nông nghiệp và quản lý ruồi đục trái. Trong khi đó, nữ giới thường phụ thuộc vào tài chính gia đình và gặp khó khăn trong việc tiếp cận vốn do không sở hữu tài sản cá nhân. Điều đó hạn chế phần nào khả năng tham gia vào các quyết định liên quan đến canh tác cũng như quản lý ruồi đục trái. Do đó, cần thiết phải phát triển thêm các chương trình tín dụng cho phụ nữ trong lĩnh vực nông nghiệp và tăng cường các cơ hội đào tạo để nâng cao nhận thức và kiến thức cho phụ nữ, giúp họ có thể tham gia bình đẳng và hiệu quả hơn trong các hoạt động canh tác và quản lý ruồi đục trái tại ĐBSCL.

Về mặt tài chính, nam giới thường là người kiểm soát nguồn tài chính trong các hoạt động sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả việc mua sắm và sử dụng thuốc trừ sâu. Về thị trường, nam giới có nhiều cơ hội tiếp cận thị trường hơn do mối quan hệ xã hội rộng rãi và có nhiều thời gian dành cho các hoạt động ngoài gia đình. Họ thường dành thời gian cho các mối quan hệ thương mại và tiếp cận được với các kênh phân phối mới. Ngược lại, nữ giới có ít cơ hội tiếp cận thị trường hơn do phần lớn thời gian được dành cho công việc gia đình và chăm sóc con cái, làm giảm khả năng của họ trong việc tham gia vào các hoạt động. Điều này cho thấy tầm quan trọng của việc thực hiện các chiến dịch nhằm thay đổi nhận thức, thúc đẩy sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong hoạt động trồng xoài, không chỉ ở khía cạnh sản xuất mà còn ở khía cạnh tiếp cận thị trường, để phụ nữ có thể tận dụng tốt các cơ hội kinh doanh và mở rộng khả năng kinh tế của bản thân cũng như gia đình.

Kết quả nghiên cứu liên quan đến yếu tố kinh tế cũng cho thấy sự tương đồng với nghiên cứu của UN Women (2021) khi cho rằng việc thiếu kiểm soát đối với tài sản thế chấp (chẳng hạn như đất đai), phụ nữ gặp khó khăn trong việc tiếp cận các khoản vay (UN Women, 2021). Do gánh nặng của công việc nhà làm giảm cơ hội sinh kế của phụ nữ và đồng nghĩa với việc phụ nữ không phải lúc nào cũng được tiếp cận thông tin như nam giới (UNDP, 2022).

Trong xã hội nông thôn Việt Nam, quan niệm xã hội về giới có ảnh hưởng lớn đến sự phân công công việc. Thứ nhất, quan niệm truyền thống về phân công lao động theo giới tính trong ngành nông nghiệp thường tạo ra cho phụ nữ những rào cản nhất định. Theo đó, nam giới thường được mặc định có vai trò quyết định trong các công việc kỹ thuật và quản lý sâu bệnh, trong khi phụ nữ thường tham gia vào những công việc nhẹ nhàng và ít yêu cầu kỹ thuật cao. Thứ hai, sự hạn chế về hiểu biết và các kiến thức có liên quan làm giảm khả năng tiếp cận của nữ giới vào trong các hoạt động quản lý ruồi đục trái trên cây xoài. Phụ nữ thường gặp khó khăn trong việc tham gia vào chương trình đào tạo do những hạn chế về thời gian, tiền bạc hoặc vấn đề di chuyển (do không biết chạy xe gắn máy). Thứ ba, sự hiện diện quá mức của phụ nữ vào trong những công việc không được trả lương (nấu ăn, lau/dọn, giặt giũ,

chăm sóc con cái,…) cũng được xem là nguyên nhân khiến phụ nữ ít/không tham gia nhiều vào trong những hoạt động sản xuất nông nghiệp cũng như quản lý sâu bệnh. Sự chênh lệch này không chỉ phản ánh một khuôn mẫu giới truyền thống mà còn làm giảm khả năng và quyền lực của phụ nữ trong việc tham gia vào các quyết định quan trọng trong hoạt động nông nghiệp và quản lý ruồi đục trái. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự tương đồng với nghiên cứu trước đó của UNDP vào năm 2022. Những quan niệm truyền thống cho rằng phụ nữ và trẻ em gái chịu trách nhiệm về các công việc gia đình liên quan đến nước cho gia đình họ (ví dụ: giặt giũ, nấu nướng và chăm sóc tất cả các thành viên trong gia đình) (UNDP, 2022).

Bảng 6. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phân chia vai trò giới trong quản lý ruồi đục trái

Các yếu tố ảnh hưởng		Tác động đến nam giới	Tác động đến nữ giới	Đề xuất giải pháp
Kinh tế	Điều kiện kinh tế của hộ gia đình	Nam giới thường là trụ cột sinh kế chính của gia đình	Nữ giới thường có ít sinh kế hơn nên bị phụ thuộc tài chính	Tạo nhiều cơ hội việc làm cho phụ nữ.
	Khả năng tiếp cận vốn	Có khả năng tiếp cận vốn cao hơn do họ đứng tên tài sản và là trụ cột sinh kế của hộ.	Thường gặp hạn chế trong việc tiếp cận vốn do không sở hữu tài sản cá nhân.	Phát triển thêm các chương trình tín dụng cho phụ nữ trong lĩnh vực nông nghiệp.
	Tài chính	Nam giới là người kiểm soát chính nguồn tài chính đối với các hoạt động sản xuất nông nghiệp do họ nắm rõ kỹ thuật quản lý ruồi đục trái.	Phụ nữ có ít kiến thức hơn nên chỉ tiếp cận và thực hiện các hoạt động chi tiêu nhỏ trong hộ.	Có các chương trình hỗ trợ tập huấn để thúc đẩy nhận thức và kiến thức cho phụ nữ.
	Thị trường	Có nhiều cơ hội tiếp cận thị trường do nhiều mối quan hệ xã hội.	Có ít cơ hội tiếp cận hơn do chỉ dành thời gian chủ yếu trong gia đình.	
Xã hội	Quan niệm xã hội hình thành khuôn mẫu giới trong quản lý ruồi đục trái	Được khuyến khích đảm nhận việc quản lý ruồi đục trái trên cây xoài do nắm rõ kỹ thuật.	Thường phải đảm nhận các công việc không được trả lương trong gia đình	Thực hiện các chiến dịch nhằm thay đổi nhận thức, thúc đẩy sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong hoạt động trồng xoài
	Trình độ học vấn	Thường có trình độ học vấn cao hơn, dễ dàng tiếp cận các khóa đào tạo kỹ thuật.	- Do hạn chế về trình độ học vấn, thường không/ít tham gia các khóa đào tạo kỹ thuật hoặc quản lý. - Phụ nữ Khmer hạn chế về trình độ học vấn hơn so với phụ nữ Kinh.	Tăng cường cơ hội tiếp cận đối với giáo dục cho phụ nữ thông qua các chính sách khuyến học. Cần thúc đẩy thêm các chính sách đối với người dân tộc Khmer.
	Tiếp cận giáo dục và đào tạo	- Có nhiều kiến thức liên quan đến quản lý ruồi đục trái hơn nên thường tham gia các khóa tập huấn. - Biết chạy xe gắn máy.	- Thiếu kiến thức nên chỉ thường lựa chọn ở nhà chăm sóc gia đình - Không biết chạy xe gắn máy.	Khuyến khích phụ nữ tham gia các lớp đào tạo kỹ thuật cũng như biết cách điều khiển xe gắn máy.
Môi trường	Biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến năng suất và phương pháp canh tác.	Có khả năng tiếp cận với các nguồn lực để thích ứng với tình hình sâu bệnh (ruồi đục trái).	- Thường ít được trang bị kiến thức và công cụ để đối phó với biến đổi khí hậu và tình hình sâu bệnh. - Khả năng thích nghi của phụ nữ Khmer kém hơn.	Tạo cơ hội đào tạo và truyền thông về biến đổi khí hậu và quản lý rủi ro môi trường cho phụ nữ.

Các yếu tố ảnh hưởng	Tác động đến nam giới	Tác động đến nữ giới	Đề xuất giải pháp
Kiến thức về sử dụng thuốc trừ sâu và phân bón đối với quản lý ruồi đục trái trên cây xoài	- Nhận biết hàm lượng và liều lượng sử dụng. - Có trang bị đồ bảo hộ khi phun thuốc. - Biết cách xử lý thùng chứa thuốc bảo vệ thực vật.	- Không nhận biết hàm lượng và liều lượng sử dụng mà chỉ ước lượng. - Chỉ mặc áo thun bình thường khi phun xịt thuốc. - Chưa xử lý đúng cách thùng chứa thuốc bảo vệ thực vật.	Có các chương trình hỗ trợ tập huấn để thúc đẩy nhận thức và kiến thức cho phụ nữ. Cung cấp đầy đủ trang thiết bị bảo hộ khi phun thuốc trừ sâu.

Trình độ học vấn cao hơn ở nam giới so với nữ giới tại khu vực nghiên cứu cũng là một yếu tố quan trọng. Nam giới với trình độ học vấn cao hơn nên có xu hướng tiếp cận và tham gia nhiều hơn trong các khóa đào tạo kỹ thuật và quản lý, điều này trang bị cho họ kiến thức và kỹ năng cần thiết để quản lý hiệu quả các vấn đề kỹ thuật trong canh tác, bao gồm cả quản lý dịch hại như ruồi đục trái. Trong khi đó, phụ nữ thường gặp hạn chế về cơ hội giáo dục, dẫn đến việc họ ít được tham gia vào các khóa đào tạo này, và do đó, thiếu kiến thức cần thiết để tham gia đầy đủ vào các hoạt động nông nghiệp. Bên cạnh đó, khi được phỏng vấn về khả năng tiếp cận đối với giáo dục của người phụ nữ Khmer, các chuyên gia tại địa phương cho rằng phụ nữ Khmer thiếu nhiều điều kiện tiếp cận với giáo dục hơn so với phụ nữ người Kinh. Các nhà chuyên gia chỉ ra rằng, rào cản về ngôn ngữ, văn hóa, cũng như những trở ngại về kinh tế và xã hội, làm giảm khả năng tiếp cận các cơ hội học tập chất lượng cao cho phụ nữ Khmer. Để giảm bớt sự bất bình đẳng này, rất cần các chính sách và chiến dịch nhằm thúc đẩy sự tham gia bình đẳng của phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ Khmer trong hoạt động trồng xoài và các hoạt động nông nghiệp khác. Ngoài ra, việc hỗ trợ phụ nữ trong việc học lái và sử dụng xe gắn máy có thể giúp họ mở rộng khả năng tiếp cận và tham gia vào các khóa đào tạo, từ đó nâng cao vai trò và địa vị kinh tế của họ trong cộng đồng.

Biến đổi khí hậu là một trong những yếu tố môi trường chính ảnh hưởng đến năng suất và phương pháp canh tác xoài. Sự thay đổi về nhiệt độ và lượng mưa có thể dẫn đến sự gia tăng của các loài sâu bệnh, trong đó có ruồi đục trái, làm thay đổi yêu cầu về quản lý dịch hại. Nam giới, nhờ kiến thức về sử dụng thuốc trừ sâu và phân bón, thường nhanh chóng thích nghi với các nguồn lực để đối phó với tình hình sâu bệnh. Họ có trang bị đồ bảo hộ và biết cách xử lý thuốc bảo vệ thực vật một cách an toàn. Trong khi đó, nữ giới, đặc biệt là phụ nữ Khmer thường thích ứng kém hơn do thiếu kiến thức về hàm lượng và liều lượng sử dụng thuốc trừ sâu, và họ thường chỉ mặc áo thun bình thường khi phun xịt thuốc, không đủ các thiết bị bảo hộ, làm tăng nguy cơ tiếp xúc với hóa chất có hại. Kết quả này cho thấy sự tương đồng với nghiên cứu trước đây của GEMMES (2021) khi cho rằng phần lớn phụ nữ có khả năng thích ứng với BĐKH kém hơn, vì họ thường tụt hậu so với nam giới trong tiếp cận các dịch vụ thông tin, công nghệ và tín dụng (GEMMES, 2021). Do vậy, cần có các chương trình hỗ trợ tập huấn để thúc đẩy nhận thức và kiến thức cho phụ nữ. Cung cấp đầy đủ trang thiết bị bảo hộ khi phun thuốc trừ sâu nhằm để phụ nữ thích nghi tốt hơn với điều kiện biến đổi.

5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Nghiên cứu này đã cung cấp một cái nhìn sâu sắc về sự phân chia vai trò giới trong quản lý ruồi đục trái trên cây xoài tại ĐBSCL. Nghiên cứu sử dụng khung phân tích giới Harvard để cho thấy có sự phân biệt rõ ràng giữa vai trò của nam và nữ trong các hoạt động canh tác. Nam giới chủ yếu đảm nhận các nhiệm vụ đòi hỏi kỹ thuật cao và quản lý trực tiếp các hoạt động nông nghiệp như phun thuốc và bón phân. Trong khi đó, phụ nữ thường tham gia vào các công việc ít đòi hỏi kỹ thuật như làm cỏ và thu hoạch. Điều này phản ánh một khuôn mẫu giới truyền thống và ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực của họ trong ngành nông nghiệp nói chung và quản lý ruồi đục trái nói riêng. Đồng thời, phụ nữ trong khu vực nghiên cứu gặp nhiều hạn chế trong việc tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực nông nghiệp so với nam giới. Điều này bao gồm khả năng tiếp cận với thông tin và đào tạo cũng như khả năng tiếp cận, kiểm soát đối với nguồn tài chính. Sự thiếu hụt trong việc tiếp cận này không chỉ làm giảm khả năng của họ trong việc đóng góp hiệu quả vào hoạt động canh tác mà còn cản trở khả năng phát triển cá nhân và cải thiện kinh tế gia đình họ. Bên cạnh đó, thông qua khung phân tích giới Harvard cũng cho thấy các yếu tố như trình độ học vấn, quan niệm xã hội về vai trò giới, và truyền thống văn hóa đã ảnh hưởng đáng kể đến sự phân chia vai trò giới trong quản lý ruồi đục trái. Nam giới với trình độ học vấn và kỹ thuật cao hơn có nhiều cơ

hội hơn để tiếp cận với các nguồn lực như kiến thức và công nghệ mới, trong khi phụ nữ thường bị giới hạn trong việc tham gia vào các khóa đào tạo và sử dụng công nghệ mới do các rào cản xã hội và kinh tế. Dựa trên điều đó, nghiên cứu cũng đề xuất một số khuyến nghị để giải quyết vấn đề này:

Bình đẳng giới và hoà nhập xã hội: Thúc đẩy bình đẳng giới và hoà nhập xã hội trong nông nghiệp bằng cách thách thức các vai trò và định kiến giới tính truyền thống. Thực hiện các chương trình để tăng cường sức mạnh của phụ nữ thông qua giáo dục, đào tạo và tham gia vào quá trình ra quyết định. Thúc đẩy dịch vụ khuyến nông toàn diện và tổ chức dựa vào cộng đồng để đảm bảo sự tham gia tích cực của tất cả các thành viên, không phân biệt giới tính hoặc tình trạng xã hội.

Tiếp cận giáo dục và đào tạo: Mở rộng khả năng tiếp cận các chương trình giáo dục và đào tạo nông nghiệp, đặc biệt hướng đến các nhóm yếu thế và những người có trình độ giáo dục chính quy hạn chế. Cung cấp đào tạo thực hành về kỹ thuật quản lý sâu bệnh, đa dạng hóa mùa vụ, và các phương pháp trồng trọt bền vững để nâng cao năng suất và khả năng chống chịu/ phục hồi của những người nông dân sản xuất quy mô nhỏ.

Hỗ trợ tài chính và đa dạng hóa sinh kế: Cung cấp hỗ trợ tài chính và ưu đãi để thúc đẩy đa dạng hóa sinh kế và giảm sự phụ thuộc vào một loại cây trồng. Tạo điều kiện để tiếp cận tín dụng, hỗ trợ và trợ cấp để đầu tư vào các nguồn lực nông nghiệp, thiết bị và các hoạt động sinh thu nhập thay thế. Khuyến khích áp dụng các chiến lược quản lý sâu bệnh tích hợp để giảm thiểu sự phụ thuộc vào thuốc trừ sâu hóa học và tăng cường bền vững môi trường.

Trao quyền cho cộng đồng và chia sẻ kiến thức: Tăng cường mạng lưới cộng đồng và các nền tảng chia sẻ kiến thức để tạo điều kiện cho việc học hỏi từ người đồng nghiệp và hành động tập thể. Thành lập các hợp tác xã nông dân, các nhóm phụ nữ và dịch vụ mở rộng cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, liên kết thị trường và tiếp cận thông tin về các phương pháp tốt nhất trong quản lý ruồi trái cây và nông nghiệp bền vững.

Bằng cách triển khai những khuyến nghị này, các nhà quy hoạch chính sách và các nhà phát triển không chỉ nâng cao vai trò của giới trong quản lý ruồi đục trái mà còn góp phần tăng cường bình đẳng giới, giảm nghèo xây dựng hệ thống nông nghiệp toàn diện và bền vững hơn ở vùng ĐBSCL.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn - MARD. (2021). *Manual for mango cultivation techniques to adapt to climate change*. Agricultural Publisher, Ha Noi.

Cần, N. D., & Vromant, N. (2009). *PRA – Đánh giá nông thôn với sự tham gia của người dân.* Nhà xuất bản Nông nghiệp

Cổng thông tin điện tử Công an Trà Vinh. (2024). *Trà Vinh: Đồng bào dân tộc Khmer vui mừng, phấn khởi trong căn nhà mới*. https://congan.travinh.gov.vn/catv/ch5/384-Tra-Vinh-Dong-bao-dan-toc-Khmer-vui-mung-phan-khoi-trong-can-nha-moi.mhtml#:~:text=Cầu%20Kè%20là%20một%20trong,2%25%20dân%20số%20toàn%20huyện.

Cục thống kê tỉnh Đồng Tháp. (2021). *Niên giám thống kê tỉnh Đồng Tháp năm 2021*. Nhà xuất bản Thống kê.

Cục thống kê tỉnh Trà Vinh. (2021). *Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh năm 2021.* Nhà xuất bản Thống kê.

Delgado, C. L., & Siamwalla, A. (2018). Rural economy and farm income diversification in developing countries. In *Food Security, Diversification and Resource Management: Refocusing the Role of Agriculture?* (pp. 126-143). Routledge.

Fischer, E., Qaim, M., (2012*).* Gender, agricultural commercialization, and collective action in Kenya. *GlobalFood Discussion Papers*, *8*(4), 441–453. Doi:10.2-2004/ag.econ.121229

Fort, L., Martinez, B., Mukhopadhyay, M. (2001). *Integrating a gender dimension into monitoring and evaluation of rural development projects*. World Bank Wash. DC.

Fuglie, K., Nin-Pratt, A. (2012). *Agricultural productivity: A changing global harvest*. Global food policy report. Publisher(s): International Food Policy Research Institute (IFPRI). https://www.ifpri.org/publication/agricultural-productivity-changing-global-harvest.

GEMMES. (2021). *Climate change in Viet Nam, impacts and adaptation.* Report of GEMMES Viet Nam research project. https://www.afd.fr/en/ressources/climate-change-viet-nam-impacts-and-adaptation

Gichungi, H., Muriithi, B., Irungu, P., Diiro, G., & Busienei, J. (2021). Effect of technological innovation on gender roles: The case of fruit fly IPM adoption on women's decision-making in mango production and marketing in Kenya. *The European Journal of Development Research, 33*, 407-426. DOI: 10.1057/s41287-020-00282-z

Hau, T. V., Linh, N. C., & Trang, L. T. T. (2015). Effectiveness of insecticides on fruitflies attacking Hoa Loc mango in Hoa Hung commune, Cai Be District, Tien Giang Province. *CTU Journal of Innovation and Sustainable Development*, (38), 113-119. https://ctujsvn.ctu.edu.vn/index.php/ctujsvn/article/view/1517

Kibira, M. N. (2015). *Economic Evaluation of Integrated Pest Management Technology for Control of Mango Fruit Flies in Embu County, Kenya*. MST-Department of Agricultural Sciences and Technology. http://ir-library.ku.ac.ke/handle/1-23456789/11970.

Kostermans, A. J. G. H., & Bompard, J. M. (1993). *The Mangoes: Their Botany, Nomenclature, Horticulture and Utilization*. Academic Press, Waltham.

Lam, P. V. (2009*). Measures to prevent agricultural pests*. Agricultural Publisher, Ha Noi, 2009.

Muriithi, B. W., Affognon, H. D., Diiro, G. M., Kingori, S. W., Tanga, C. M., Nderitu, P. W., Mohamed, S. A., & Ekesi, S. (2016). Impact assessment of Integrated Pest Management (IPM) strategy for suppression of mango-infesting fruit flies in Kenya. *Crop Prot*, *81*, 20–29.

Njuki, J., Kaaria, S., Chamunorwa, A., & Chiuri, W., (2011). Linking Smallholder Farmers to Markets, Gender and Intra-Household Dynamics: Does the Choice of Commodity Matter? *Eur. J. Dev. Res*, *23*, 426–443. https://doi.org/10.1057-/ejdr.2011.8

Peterman, A., Behrman, J. A., Quisumbing, A. R. (2010). *A review of empirical evidence on gender differences in nonland agricultural inputs, technology, and services in developing countries. Gender in Agriculture*. IFPRI discussion paper, pp. 145–186. https://www.ifpri.org/publication/review-empirical-evidence-gender-differences-nonland-agricultural-inputs-technology-and

Shiundu, K. M., & Oniang'o, R. K. (2007). Marketing African leafy vegetables: Challenges and opportunities in the Kenyan context. *African Journal of Food, Agriculture, Nutrition and Development, 7*(4), 1-17. 10.18697/ajfand.15.IPGRI2-8

Tú, V. H., & Trang, N. T. (2013). Thực trạng bình đẳng giới của cộng đồng dân tộc Khmer khu vực nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, 26, 1-8.

UN Women. (2021). *The State of Gender Equality and Climate Change in Viet Nam*. Publishing: United Nations Entity for Gender Equality and the Empowerment of Women (UN Women) United Nations Environment Programme (UNEP). https://asiapacific.unwomen.org/en/digital-library/publications/2021/04/the-state-of--gender-equality-and-climate-change-in-viet-nam

UNDP. (2022*). Báo cáo tổng quan: Lồng ghép giới vào kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu (NAP).* Dự án hỗ trợ xây dựng và thực hiện kế hoạch quốc gia về thích ứng với biến đổi khí hậu của Việt Nam. https://www.undp.org/sites/g/files/zskgke326/files/2023-04/Background%20Report%20Gender%20Mainstreaming%20of%20the%20NAP_VN_small.pdf.

UNRWA. (2011). UNRWA gender analysis manual. The United Nations Relief and Works Agency for Palestine Refugees in the Near East. https://unrwa.es/EBDHmadrid2015/pdf/Gender_Analysis_UNRWA.pdf

USAID. (2016). *Harvard Analytical Framework.* Published By: INGENAES https://www.advancingnutrition.org/resources/harvard-analytical-framework

Uỷ ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam. (2004). *Hướng tới bình đẳng giới ở Việt Nam thông qua chu trình chính sách quốc gia có trách nhiệm giới.* Hướng dẫn lồng ghép giới trong hoạch định và thực thi chính sách. Dự án VIE 01-015-01 "Giới trong chính sách công", Hà Nội.

Vayssieres, J.-F., Korie, S., & Ayegnon, D. (2009). Correlation of fruit fly (Diptera Tephritidae) infestation of major mango cultivars in Borgou (Benin) with abiotic and biotic factors and assessment of damage. *Crop Protection, 28*(6), 477-488. https://doi.org/10.1016/j.cropro.2009.01.010

Weinberger, K., & Lumpkin, T.A. (2007). Diversification into Horticulture and Poverty Reduction: A Research Agenda. *World Development, 35*, 1464-1480. http://dx.doi.org/10.1016/j.worlddev.2007.05.002

World Bank. (2008). *World Development Report 2008: Agriculture for Development*. Washington, DC: World Bank.

World Bank. (2009). *Gender in Agriculture Sourcebook*. Washington, DC: World Bank.